



BIỂU PHÍ ÁP DỤNG CHO SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỆNH UNG THƯ – LỰA CHỌN B

(Được phê duyệt theo công văn số: 253/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 06/3/2020)

1. Tỷ lệ phí bảo hiểm

Tỷ lệ phí bảo hiểm (trên 1000 đồng Số Tiền Bảo Hiểm)

+ Nếu hoa hồng được chi trả cho bên bán hàng, tỉ lệ phí trong bảng bên dưới được sử dụng

Tuổi	Nữ	Nam	Tuổi	Nữ	Nam	Tuổi	Nữ	Nam
-	0.39	0.58	22	1.36	0.96	44	8.56	6.30
1	0.38	0.59	23	1.52	1.02	45	8.92	6.70
2	0.37	0.59	24	1.70	1.10	46	9.32	7.22
3	0.36	0.58	25	1.93	1.20	47	9.71	7.83
4	0.35	0.56	26	2.19	1.33	48	10.09	8.49
5	0.36	0.54	27	2.46	1.47	49	10.46	9.26
6	0.37	0.52	28	2.74	1.63	50	10.83	10.07
7	0.37	0.49	29	3.04	1.79	51	11.20	10.91
8	0.38	0.48	30	3.35	1.95	52	11.59	11.73
9	0.39	0.47	31	3.67	2.12	53	12.02	12.58
10	0.41	0.47	32	4.01	2.30	54	12.48	13.45
11	0.43	0.48	33	4.39	2.52	55	12.97	14.37
12	0.48	0.51	34	4.78	2.76	56	13.48	15.32
13	0.53	0.54	35	5.17	3.03	57	13.98	16.40
14	0.59	0.58	36	5.58	3.33	58	14.47	17.60
15	0.66	0.63	37	5.99	3.68	59	14.96	18.89
16	0.74	0.68	38	6.40	4.06	60	15.43	20.27
17	0.82	0.73	39	6.78	4.47			
18	0.92	0.77	40	7.16	4.87			
19	1.01	0.82	41	7.52	5.26			
20	1.12	0.86	42	7.86	5.62			
21	1.23	0.90	43	8.20	5.97			



+ Nếu hoa hồng không phải chi trả cho bên bán hàng, tỉ lệ phí trong bảng bên dưới được sử dụng

Tuổi	Nữ	Nam	Tuổi	Nữ	Nam	Tuổi	Nữ	Nam
-	0.27	0.40	22	0.94	0.66	44	5.92	4.36
1	0.26	0.41	23	1.05	0.71	45	6.18	4.64
2	0.25	0.41	24	1.18	0.76	46	6.45	5.00
3	0.25	0.40	25	1.34	0.83	47	6.72	5.42
4	0.25	0.39	26	1.51	0.92	48	6.98	5.88
5	0.25	0.38	27	1.71	1.02	49	7.24	6.41
6	0.25	0.36	28	1.90	1.13	50	7.50	6.97
7	0.26	0.34	29	2.11	1.24	51	7.75	7.55
8	0.26	0.33	30	2.32	1.35	52	8.02	8.12
9	0.27	0.33	31	2.54	1.47	53	8.32	8.71
10	0.28	0.32	32	2.78	1.59	54	8.64	9.31
11	0.30	0.34	33	3.04	1.74	55	8.98	9.95
12	0.33	0.35	34	3.31	1.91	56	9.33	10.60
13	0.37	0.37	35	3.58	2.10	57	9.68	11.35
14	0.41	0.40	36	3.87	2.30	58	10.02	12.18
15	0.46	0.44	37	4.15	2.54	59	10.36	13.08
16	0.51	0.47	38	4.43	2.81	60	10.68	14.03
17	0.57	0.50	39	4.70	3.09			
18	0.63	0.53	40	4.96	3.37			
19	0.70	0.57	41	5.20	3.64			
20	0.77	0.60	42	5.44	3.89			
21	0.85	0.63	43	5.68	4.13			



2. Quy đổi phí BH định kỳ năm sang định kỳ đóng phí khác.

Phí bảo hiểm có thể được đóng theo định kỳ năm, nửa năm, quý hoặc tháng. Công thức quy đổi từ phí năm sang phí bảo hiểm với định kỳ đóng phí khác được MAP xác định tùy theo từng thời kỳ. Hiện tại công ty đang áp dụng tỷ lệ chuyển đổi sau:

Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
1	0.53	0.27	0.09

Mức phí bảo hiểm tối thiểu và nguyên tắc làm tròn số khi thu phí bảo hiểm được công ty quy định trong từng thời kỳ và từng nhóm sản phẩm.